

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng
chỉ dẫn địa lý “Ngọc Linh” cho sản phẩm sâm củ của tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ, ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ, ngày 29/11/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, ngày 19/6/2009;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, ngày 21/11/2007;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp và Nghị định số 122/2010/NĐ-CP, ngày 31/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 119/2010/NĐ-CP, ngày 30/12/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Quyết định số 2465/QĐ-SHTT ngày 30/7/2018 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc sửa đổi Giấy chứng nhận đăng chỉ dẫn địa lý “Ngọc Linh” số 00049 cho sản phẩm sâm củ;

Căn cứ Quy chế phối hợp số 376/QCPH-UBND ngày 05/5/2017 về quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Ngọc Linh” cho sản phẩm sâm củ giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 43/TTr-SKHCHN ngày 17/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý “Ngọc Linh” cho sản phẩm sâm củ của tỉnh Kon Tum được ban hành

kèm theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3 như sau:

“1. CDĐL “Ngọc Linh” trong Quy chế này là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm sâm củ có nguồn gốc xuất xứ từ khu vực CDĐL tại xã Mường Hoong, xã Ngọc Linh, xã Xốp thuộc huyện Đăk Glei; xã Đăk Na, xã Ngọc Yêu, xã Văn Xuôi, xã Tô Xăng, xã Măng Ri, xã Ngọc Lây thuộc huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum theo Quyết định số 2465/QĐ-SHTT, ngày 30/7/2018 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc sửa đổi Giấy chứng nhận đăng chỉ dẫn địa lý “Ngọc Linh” số 00049 cho sản phẩm sâm củ.

2. Sản phẩm sâm mang CDĐL “Ngọc Linh” là sâm củ (có tên khoa học là *Panax Vietnamensis* Ha et Grushv); có tính chất, chất lượng, đặc thù được công bố theo Quyết định số 2465/QĐ-SHTT, ngày 30/7/2018 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký CDĐL “Ngọc Linh” số 00049 cho sản phẩm sâm củ được quy định cụ thể tại **Phụ lục** ban hành kèm theo Quyết định này.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điểm b Khoản 2 Điều 5 như sau:

“b) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra việc sản xuất, kinh doanh sâm giống, sâm củ Ngọc Linh theo Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây sâm Ngọc Linh trên địa bàn tỉnh Kon Tum và tính chất, chất lượng đặc thù của sâm củ Ngọc Linh được bảo hộ CDĐL theo Quyết định số 2465/QĐ-SHTT, ngày 30/7/2018 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký CDĐL “Ngọc Linh” số 00049 cho sản phẩm sâm củ.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điểm c Khoản 1 Điều 11 như sau:

“c) Sản phẩm sâm củ Ngọc Linh không còn đáp ứng điều kiện bảo hộ được ghi nhận tại Điều 1 Quyết định số 2465/QĐ-SHTT, ngày 30/7/2018 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký CDĐL “Ngọc Linh” số 00049 cho sản phẩm sâm củ.”

4. Sửa đổi Khoản 3 Điều 13 như sau:

“3. Sản phẩm sâm củ có từ sáu (06) năm tuổi trở lên, có nguồn gốc xuất xứ từ khu vực CDĐL được đăng bạ và đã được đăng ký chứng nhận nguồn gốc xuất xứ trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL “Ngọc Linh” cho sản phẩm sâm củ”.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum chủ trì hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở

Công Thương, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các Sở, ban ngành; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ KH&CN);
- UBND tỉnh Quảng Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Hội Sâm Ngọc Linh tỉnh;
- Trung tâm Quốc gia nghiên cứu Sâm Ngọc Linh (tại huyện Đăk Tô);
- Báo Kon Tum;
- Đài PTTH tỉnh Kon Tum;
- Lưu: VT, KGVX₄.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hòa
Nguyễn Văn Hòa



PHỤ LỤC
QUY ĐỊNH TÍNH CHẤT, CHẤT LƯỢNG, ĐẶC THÙ
CỦA SÂM NGỌC LINH KON TUM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 07/9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

1. Tính chất, chất lượng, đặc thù sản phẩm

a) Hình thái:

- Thân khí sinh thẳng đứng, màu lục hoặc hơi tím.
- Thân rễ nhiều đốt, cong ngoằn ngoèo, dài 3,5 - 10,5cm, đường kính 0,5 - 2,0cm. Mặt ngoài màu nâu hay màu vàng xám.
- Rễ củ có dạng hình con quay dài 2,4 - 4cm, đường kính 1,5 - 2cm. Rễ củ có màu nâu nhạt, có những vân ngang và các nốt rễ con. Thể chất nạc, chắc, khó bẻ gãy.
- Trọng lượng sâm củ tươi trung bình nguyên rễ tơ: 4 năm tuổi: 14,20g; 5 năm tuổi: 16,78g; 6 năm tuổi: 19,63g; 7 năm tuổi: 22,78g; 8 năm tuổi: 24,40g; 9 năm tuổi: 26,70g; 10 năm tuổi: 28,68g; 15 năm tuổi: 31,60g.
- Trọng lượng sâm củ khô trung bình: 4 năm tuổi: 4,13g; 5 năm tuổi: 4,58g; 6 năm tuổi: 5,54g; 7 năm tuổi: 6,92g; 8 năm tuổi: 7,53g; 9 năm tuổi: 7,83g; 10 năm tuổi: 8,71g; 15 năm tuổi: 9,47g

b) Chất lượng:

Hàm lượng saponin toàn phần trung bình theo các độ tuổi

TT	Độ tuổi	Hàm lượng saponin toàn phần, %
1	04 năm tuổi	7,15 ± 0,1411
2	05 năm tuổi	8,91 ± 0,1375
3	06 năm tuổi	10,67 ± 0,2792
4	07 năm tuổi	12,43 ± 0,2984
5	08 năm tuổi	14,19 ± 0,0158
6	09 năm tuổi	15,94 ± 0,2862
7	10 năm tuổi	19,75 ± 0,2712
8	15 năm tuổi	19,93 ± 0,7299

Hàm lượng các hợp chất chính trong saponin bao gồm Ginsenosid Rg₁ (G-Rg₁), Majonosid R2 (M-R₂), Ginsenosid Rb₁ (G-Rb₁).

TT	Độ tuổi	Hàm lượng saponin trung bình (Majonosid R2, Gingsenosid Rg ₁ , Gingsenosid Rb ₁ %)		
		MR2	G-Rg ₁	G-Rb ₁
1	4 năm tuổi	2,04±0,0024	1,11±0,0032	0,73±0,0103
2	5 năm tuổi	3,02±0,1762	1,30±0,0347	0,75±0,0398
3	6 năm tuổi	3,62±0,1027	1,63±0,0478	0,88±0,0386
4	7 năm tuổi	4,35±0,0399	2,33±0,0439	0,89±0,0212
5	8 năm tuổi	4,96±0,0606	2,53±0,0786	0,95±0,0117
6	9 năm tuổi	5,58±0,0768%	2,73±0,0965	1,12±0,0764
7	10 năm tuổi	7,46±0,0176	3,26±0,0398	1,58±0,1070
8	15 năm tuổi	7,97±0,0391	4,17±0,0388	1,96±0,0234

2. Tính chất đặc thù về điều kiện địa lý

a) Đặc thù về địa hình

Khu vực địa lý phân bố ở vùng núi cao thuộc khối núi Ngọc Linh nằm trên địa bàn hai tỉnh Kon Tum và Quảng Nam, độ cao từ 1.200m đến 2.500m, mật độ che phủ rừng trên 70%, độ phân cách mạnh, độ dốc lớn, có nhiều thung lũng hẹp và sâu.

b) Đặc thù về khí hậu

Khu vực địa lý nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc và gió mùa Tây Nam. Lượng mưa trung bình năm từ 2.500 - 3.400mm tập trung từ tháng Sáu đến tháng Chín ở sườn Tây và từ tháng Chín đến tháng Mười Một ở sườn Đông. Tổng nhiệt lượng cả năm dưới 7.500°C. Nhiệt độ trung bình năm từ 14 - 20,5°C. Biên độ dao động nhiệt độ ngày đêm từ 8 - 9°C. Tổng lượng bốc hơi trung bình năm 670 - 870mm. Độ ẩm trung bình năm 84 - 87,5%.

c) Đặc thù thảm thực vật

Khu vực địa lý nằm trong vùng rừng nguyên sinh của hai tỉnh Kon Tum và Quảng Nam có độ dày tầng thảm mục lớn hơn 15cm.

d) Đặc thù về thổ nhưỡng

Khu vực địa lý có duy nhất nhóm đất xám, hình thành tại chỗ, phân bố trên nhiều dạng địa hình khác nhau. Thành phần cơ giới của đất từ thịt pha cát đến thịt pha sét và cát. Cấp hạt cát từ 40,98 - 81,79%, cấp hạt thịt từ 4,23 - 28,20%, sét từ 8,01 - 43,27%. Các loại đất đều chua pH_{H₂O} từ 3,72 - 4,81, pH_{KCl} từ 3,09 - 4,07. Dung tích hấp thu CEC từ 7,62 - 21,69 meq/100g đất, tổng các Cation kiềm trao đổi từ 0,22 - 3,62 meq/100g đất. Độ chua trao đổi từ 0,24 - 2,22 meg/100g đất. Đất có hàm lượng cacbon hữu cơ, đạm tổng số ở mức rất cao, từ 2,40- 10,07% OC và 0,08- 0,57%N./.